

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 585 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 4 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội  
huyện Pác Nặm giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND - UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3130/2005/QĐ-UBND ngày 12/12/2005 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 19/4/2006 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt đề cương và dự toán lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Pác Nặm giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị tại Báo cáo thẩm định số 226/BCTĐ-KH&ĐT ngày 23/3/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Tờ trình số 11/TT-UBND ngày 06/3/2007 của UBND huyện Pác Nặm,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Pác Nặm giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020, hồ sơ do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp - Bộ NN&PTNT lập với nội dung chính như sau:

**1. Quan điểm và các mục tiêu phát triển:**

**1.1. Quan điểm phát triển:**

- Phát triển kinh tế xã hội huyện nằm trong định hướng chung của toàn tỉnh trong giai đoạn mới, giao thương mật thiết với các huyện khác. Xây dựng huyện Pác Nặm mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, bền vững về môi trường, văn minh, sạch đẹp, trở thành một huyện có trình độ phát triển tiên tiến của tỉnh.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế với tốc độ nhanh hơn thời kỳ vừa qua. Đặt sự phát triển trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế, trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện khác trong toàn vùng Đông Bắc để phát triển kinh tế có chất lượng cao hơn. Lấy tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, hiệu quả và ổn định là thước đo của sự phát triển.

- Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội. Phát huy các giá trị văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hoá của nhân dân; xoá đói nghèo và các tệ nạn xã hội. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị, và nền hành chính vững mạnh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Phấn đấu xây dựng huyện sớm trở thành huyện có trình độ phát triển trung bình tiên tiến của khu vực, hoà nhập được với bối cảnh toàn cầu hoá.

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái. Không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

**1.2. Các mục tiêu phát triển:**

**1.2.1. Mục tiêu tổng quát:**

- Tập trung khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực về đất đai, tài nguyên khoáng sản đẩy nhanh tiến độ tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đưa huyện Pác Nặm phát triển ngang tầm với các huyện bạn trong tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010 cơ cấu kinh tế của huyện là: Nông lâm nghiệp 70%; Công nghiệp XD CB 15%; Dịch vụ thương mại 15%. Sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hoá - xã hội phát triển. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân các dân tộc được nâng cao rõ nét, góp phần cùng tỉnh Bắc Kạn và cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**1.2.2. Mục tiêu cụ thể:**

**\* Giai đoạn 2006-2010.**

**a) Về phát triển kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 20,8%.
- Cơ cấu kinh tế của huyện: Nông nghiệp 70%; Công nghiệp XD CB 15% và dịch vụ 15% vào năm 2010.
- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt khoảng 5-6% vào năm 2010.
- GDP bình quân đầu người 3,882 triệu đồng/người/năm (giá SS) hoặc 5,837 triệu đồng/năm (giá HH).

**b) Về phát triển xã hội:**

- Giảm mỗi năm trên 7% tổng số hộ nghèo (theo tiêu chí mới).
- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2010 có 75% số hộ sử dụng sử dụng điện lưới quốc gia; 90% số hộ được xem truyền hình; 100% xã có điểm bưu điện văn hoá xã và có điện thoại; 50% xã có nhà văn hoá.

- Đến năm 2010 có 90% tổng số thôn có đường dân sinh đi được xe gắn máy và 100% thôn có nhà họp thôn.
- Xây dựng các cấp học có trường đạt chuẩn quốc gia (trừ THPT), xây dựng trường dân tộc nội trú huyện. Phấn đấu 100% số phòng học được xây từ cấp IV trở lên. Hàng năm huy động 70% các cháu 3-5 tuổi vào trường mầm non, 100% vào tiểu học và THCS, 80% trở lên vào THPT.
- 100% trạm xá có đủ y bác sỹ, y tá phục vụ. Xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa huyện. Mỗi năm xây dựng 02 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.
- Hoàn chỉnh việc quy hoạch và tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để sớm đưa Bộc Bố thành thị trấn, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của huyện.
- Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu 50% số xã trở lên không có người nghiện ma tuý.

*c) Về bảo vệ môi trường:*

- Môi trường được cải thiện, tỷ lệ che phủ rừng năm 2010 đạt 63%. Đến năm 2010 khoảng 90% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

**\* Định hướng đến 2015.**

*a) Về phát triển kinh tế:*

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2015 đạt 17,0%. Nhanh chóng đưa mức GDP bình quân đầu người đạt 70-75% mức trung bình toàn tỉnh vào năm 2015.
- Đưa cơ cấu kinh tế của huyện đạt tỷ lệ: Nông nghiệp 60%; công nghiệp XDCCB 18,5% và dịch vụ 21,5% vào năm 2015.
- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt khoảng 7-8% vào năm 2015.
- GDP bình quân đầu người 7,975 triệu đồng/năm (giá SS) hoặc 11,99 triệu đồng/năm (giá HH).

*b) Về phát triển xã hội:*

- Giảm mỗi năm trên 7% tổng số hộ nghèo (theo tiêu chí mới).
- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2015 có 80% số hộ sử dụng sử dụng điện lưới quốc gia; 92% số hộ được xem truyền hình; 70% xã có nhà văn hoá.
- Đến năm 2015 có 92% tổng số thôn có đường dân sinh đi được xe gắn máy.
- Xây dựng các cấp học có trường đạt chuẩn quốc gia (trừ THPT), xây dựng trường dân tộc nội trú huyện. Hàng năm huy động 80% các cháu 3-5 tuổi vào trường mầm non, 85% trở lên vào THPT.
- 100% trạm xá có đủ y bác sỹ, y tá phục vụ. Xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa huyện. Mỗi năm xây dựng 02 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

- Hoàn chỉnh việc quy hoạch và tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để sớm đưa Bộ BỐ thành thị trấn, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của huyện.

- Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu 70% số xã trở lên không có người nghiện ma tuý.

*c) Về bảo vệ môi trường:*

- Môi trường được cải thiện, tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 69%.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

**\*. Định hướng đến năm 2020.**

*a) Về phát triển kinh tế:*

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 15,03%.

- Cơ cấu kinh tế của huyện đạt tỷ lệ: Nông nghiệp 50%; công nghiệp XDCB 22 % và dịch vụ trên 28 % vào năm 2020.

- GDP bình quân đầu người 15,29 triệu đồng/năm (giá SS) hoặc 23 triệu đồng/năm (giá HH).

*b) Về phát triển xã hội:*

- Ổn định tỷ lệ sinh ở mức 0,95-1%/năm, phấn đấu năm 2020 không còn hộ đói, hộ nghèo còn khoảng 8%.

- Đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 25 %; có 95-98% lao động có việc làm sau khi được đào tạo.

- Công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2020 có 85-90% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% số hộ được xem truyền hình; 80% xã có nhà văn hoá.

- Đến năm 2020 có 95-98% tổng số thôn có đường dân sinh đi được xe gắn máy.

- Xây dựng các cấp học có trường đạt chuẩn quốc gia (trừ THPT), xây dựng trường dân tộc nội trú huyện. Hàng năm huy động 100% các cháu 3-5 tuổi vào trường mầm non, 90% trở lên vào THPT.

- 100% trạm xá có đủ y bác sỹ, y tá phục vụ. Xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện đa khoa huyện. Mỗi năm xây dựng 02 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

- Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu 90% số xã trở lên không có người nghiện ma tuý.

*c) Về bảo vệ môi trường:*

- Môi trường được giữ gìn và cải thiện, tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 75,5%. Đến năm 2020 khoảng 98% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể của địa phương được bảo tồn, tôn tạo.

## 2. Các phương án phát triển chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các phương án phát triển		
			PA I	PA II	PA III
	<b>Giai đoạn 2006-2010</b>				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	17	20.08	21
2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	54	71.2	72.2
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	10.8	14.2	14.4
3	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	3308.9	3882.3	3914.6
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	+ Nông lâm nghiệp	%	70	70	70
	+ CN-XDCB	%	15	15	15
	+ Thương mại-DV	%	15	15	15
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	3.2	3.2	3.2
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	231	321	326
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	46	64.2	65
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2011-2015</b>				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	14	16.95	18.5
2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	91.9	138.4	157
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	18.4	27.7	31.4
3	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	5982.5	7975.6	8589.1
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	60	60	60
	CN-XDCB	%	18.5	18.5	18.5
	Thương mại-DV	%	21.5	21.5	21.5
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	3.5	3.5	3.5
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	411	647	750
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	82	129.3	150
<b>III</b>	<b>Giai đoạn 2016-2020</b>				
1	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	11.5	15.03	16.6

2	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	138.3	258.5	317.1
	+ Bình quân năm	Từ @àng	27.7	51.7	63.4
3	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	9820.1	15299.6	17632
4	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	50	50	50
	CN-XDCB	%	22	22	22
	Thương mại-DV	%	28	28	28
5	Chỉ số ICOR dự kiến	Lần	3.9	3.9	3.9
6	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	663	1308	1642
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	133	261.6	328

### 3. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của phương án chọn:

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các phương án phát triển		
			2006-2010	2011-2015	2016-2020
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>				
	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	20.8	16.95	15.03
	Giá trị tăng thêm				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	71.22	138.39	258.47
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	14.24	27.68	51.69
	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng	3882	7976	15300
	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	70	60	50
	CN-XDCB	%	15	18.5	22
	Thương mại-DV	%	15	21.5	28
	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	320.99	646.52	1308.01
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	64.20	129.3	261.60
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu xã hội (năm cuối kỳ)</b>				
	Tỷ lệ tăng dân số	%	1.4	1.25	1
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	33.87	12	5

	Lao động được đào tạo nghề	%	10	20	30
	Tỷ lệ lao động có việc làm	%	97.5	98	98.5
	Tỷ lệ số hộ dùng điện	%	75	80	95
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu môi trường</b>				
	Tỷ lệ dùng nước sạch	%	90	95	98
	Độ che phủ rừng	%	63	69	75.5

#### 4. Các biện pháp chủ yếu để đạt mục tiêu quy hoạch.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng ngành nông nghiệp:

+ Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng chú trọng sản xuất các nông lâm sản hàng hoá chất lượng, năng suất và hiệu quả. Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung (vùng hồi, vùng chè, cam quýt, mận mơ, vùng nguyên liệu giấy, vùng cây công nghiệp ngắn ngày, vùng bò thịt hàng hoá...) tạo tiền đề phát triển thị trường nông lâm sản tại chỗ và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt; phát triển ngành nghề nông thôn để chuyển một số lao động nông nghiệp sang các ngành sản xuất phi nông nghiệp. Tạo thu nhập ngoài sản xuất nông nghiệp cho dân cư nông thôn.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp, TTCN và xây dựng:

+ Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng, các ngành mà huyện Pác Nặm có tiềm năng.

+ Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu và thu hút được nhiều lao động tại chỗ; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn (chế biến hoa quả, chế biến tinh dầu hồi, chè, bột giấy, ván nhân tạo...).

+ Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu ngành nghề mới, ưu tiên đầu tư vào tiểu thủ công nghiệp làng nghề, thu hút nhiều lao động và nâng cao hiệu suất sử dụng lao động nông thôn. Đi trước đón đầu đáp ứng nhu cầu bùng nổ về xây dựng tại chỗ trong thời gian tới.

+ Chú trọng vấn đề môi trường trong các chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng ngành dịch vụ:

+ Trước mắt đáp ứng tốt hơn các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của nhân dân, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát triển hệ thống chợ nông thôn, hỗ trợ tiêu thụ các loại nông lâm sản hàng hoá tại chỗ, thúc đẩy sản xuất nông lâm sản hàng hoá trong huyện.

+ Tập trung phát triển dịch vụ chất lượng cao và toàn diện, đặc biệt là dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn thông. Nâng cao hiệu quả các hoạt động tài chính hỗ trợ sản xuất.

## 5. Phương án tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế xã hội:

### 5.1. Trồng trọt:

- Vùng sản xuất lúa: Xây dựng cánh đồng cao sản, tập trung ở 8 xã: Bộc Bó, Giáo Hiệu, Công Bằng, Nhạn Môn, Xuân La, Nghiê Loan, Cao Tân, Cổ Linh. Các mô hình thực hiện gồm:

+ Lúa xuân xạ - lúa mùa cấy + cá chép ruộng.

+ Lúa xuân xạ - lúa mùa xạ - Rau mùa đông.

- Vùng sản xuất ngô: Ngô ở Pác Nặm chủ yếu được trồng vào vụ xuân, những xã có diện tích ngô lớn là Xuân La, Cổ Linh, Nghiê Loan. Toàn bộ diện tích gieo trồng bằng các giống ngô lai năng suất cao, phấn đấu đạt năng suất bình quân từ 27-29 tạ/ha vào năm 2010.

- Vùng sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày:

+ Cây đậu tương: Tập trung ở các xã: Nghiê Loan, Cao Tân, Cổ Linh, An Thắng, tích cực đưa các giống đậu tương mới có năng suất cao như: DT90, DT92, VX93,...

+ Cây đậu xanh: Trồng vào vụ mùa, chủ yếu ở các xã: Xuân La, Bộc Bó, Giáo Hiệu, Nghiê Loan.

+ Cây bông: Trồng ở các xã: Cổ Linh, Nghiê Loan, Cao Tân, Giáo Hiệu

- Vùng trồng cây ăn quả: các loại cây cam, quýt, hồng không hạt được trồng ở các xã Nghiê Loan, Bộc Bó, Giáo Hiệu, Công Bằng, Cao Tân. Cây lê được trồng ở các xã: Bộc Bó, Nhạn Môn.

- Vùng trồng cây trám ghép: Nghiê Loan, Giáo Hiệu, Cao Tân.

- Cây dẻ: Bộc Bó và Xuân La. Cây thông được trồng ở Giáo Hiệu, Nhạn Môn, Xuân La, Nghiê Loan, An Thắng, Cao Tân.

- Vùng trồng cây công nghiệp, cây lâm đặc sản: Cây thảo quả (Nhạn Môn, Giáo Hiệu, Công Bằng); Chè Tuyết Shan (Bộc Bó), Cổ Linh, Cao Tân, Nhạn Môn, Công Bằng); Hồi (Bộc Bó, Xuân La, Nhạn Môn).

### 5.2. Chăn nuôi:

Bố trí vùng chăn nuôi tập trung

- Vùng chăn nuôi gia súc: phát triển đàn lợn hướng nạc ở các xã thị tứ, trung tâm cụm xã của huyện như Bộc Bó, Nghiê Loan, Cao Tân,... Phát triển chăn nuôi trâu, bò ở tất cả các xã trong huyện.

- Trong giai đoạn 2011-2020, ở mỗi xã cần quy hoạch 1-2 khu chăn nuôi tập trung quy mô 5-10 ha/khu ở xã khu dân cư để đảm bảo môi trường và vệ sinh thú y, tạo điều kiện để chuyển dần chăn nuôi theo phương thức bán thâm canh và thâm canh, công nghiệp.

### 5.3. Bố trí các khu, điểm công nghiệp:

- Điểm công nghiệp Bộc Bó, Bằng Thành: chủ yếu là khai khoáng và tinh chế quặng. Quy mô diện tích 5-7 ha.



- Điểm công nghiệp Nghiên Loan: chế biến nông lâm sản. Quy mô diện tích 3 ha.

- Điểm công nghiệp Bộc Bó: sản xuất gạch ngói, vật liệu xây dựng. Quy mô diện tích 3 ha.

### 6. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, cần công khai hoá quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, tuyên truyền, quảng cáo, thu hút sự chú ý của toàn dân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động tham gia thực hiện quy hoạch. Đồng thời thường xuyên nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Cụ thể hoá quy hoạch bằng các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm. Kế hoạch hàng năm phải bám vào các mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ.

- Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch. Cuối mỗi kỳ quy hoạch (năm 2010, 2015, 2020) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch của từng thời kỳ, bổ sung và điều chỉnh lại theo mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển theo từng thời kỳ theo định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện đến năm 2020. Phối hợp với các ban, ngành của tỉnh Bắc Kạn và các ngành Trung ương để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển. Tăng cường quan hệ liên vùng để đảm bảo sự thống nhất cùng nhau phát triển.

**Điều 2.** UBND huyện Pác Nặm có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Pác Nặm và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- PVPTH;
- Lưu: VT-P.TH&KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Hà Đức Toại